

用提示词完成句子

Dùng từ trong ngoặc

để hoàn thành câu

(dùng cấu trúc 一点儿)



1

这些汉字太难了，我
_____ (不认识)



2

这件衣服真便宜，

成绩不好

(不贵)



3

我买带钱，

(没买)



4

你怎么
_____?

(不着急)

